

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1,395,099,219,370	1,581,059,457,154
I. Tiền	110		128,624,328,196	347,230,272,289
1. Tiền	111	5	30,944,328,196	87,230,272,289
2. Các khoản tương đương tiền	112		97,680,000,000	260,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128		0	0
III. Các khoản phải thu	130		389,180,399,866	325,527,657,851
1. Phải thu của khách hàng	131	6	368,038,247,458	299,599,458,241
2. Trả trước cho người bán	132		27,310,055,740	22,839,283,568
3. Các khoản phải thu khác	138	7	27,638,833,070	36,204,250,510
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(33,806,736,402)	(33,115,334,469)
IV. Hàng tồn kho	140	8	840,033,306,606	891,675,276,143
1. Hàng tồn kho	141		840,033,306,606	891,675,276,143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37,261,184,702	16,626,250,871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,313,573,903	1,153,437,469
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27,541,530,329	8,200,767,423
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		2,540,864,608	3,772,397,395
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	3,865,215,862	3,499,648,584
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		874,124,433,374	987,718,341,173
I. Tài sản cố định	220		722,356,640,674	823,874,008,167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	677,353,398,258	776,366,105,654
- Nguyên giá	222		1,384,366,350,888	1,384,238,519,479
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(707,012,952,630)	(607,872,413,825)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	24,896,280,446	25,662,056,570
- Nguyên giá	228		28,019,135,751	28,019,135,751
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,122,855,305)	(2,357,079,181)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	20,106,961,970	21,845,845,943
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	1,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		0	0
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	0	1,000,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
III. Tài sản dài hạn khác	260		151,767,792,700	162,844,333,006
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	151,767,792,700	162,844,333,006
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
Tổng cộng tài sản	270		2,269,223,652,744	2,568,777,798,327

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		1,615,389,002,590	1,937,319,676,037
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>1,530,248,182,625</i>	<i>1,735,491,442,900</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1,408,303,688,480	1,587,252,687,370
2. Phải trả cho người bán	312		83,508,731,156	81,664,562,652
3. Người mua trả tiền trước	313		794,444,245	840,450,325
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	309,460,179	25,407,987,286
5. Phải trả người lao động	315		10,983,452,006	12,282,560,261
6. Chi phí phải trả	316		16,017,083,373	16,032,132,752
7. Các khoản phải trả phải nộp khác	319		7,672,731,621	7,555,793,993
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,658,591,565	4,455,268,261
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>85,140,819,965</i>	<i>201,828,233,137</i>
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	85,140,819,965	201,828,233,137
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		653,834,650,154	631,458,122,290
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>18</i>	<i>653,834,650,154</i>	<i>631,458,122,290</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		492,202,620,000	492,202,620,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		363,790,000	363,790,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8,835,568,717	8,835,568,717
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		145,945,713,472	145,945,713,472
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		27,269,699,265	27,269,699,265
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(20,782,741,300)	(43,159,269,164)
Tổng cộng nguồn vốn	440		2,269,223,652,744	2,568,777,798,327

Hưng Yên, ngày 16 tháng 1 năm 2015

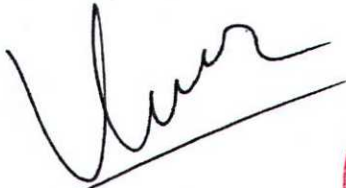
LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Tuyết Dung



Nguyễn Hoàng Ngân



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Hà

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV & lũy kế từ đầu năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014		Năm 2013	
			Quý IV	Lũy kế từ đầu năm	Quý IV	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	20	1,104,108,561,210	3,840,173,234,776	1,018,307,054,321	3,469,489,067,500
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	3	20	25,101,730,668	76,958,083,907	8,572,456,501	53,397,162,873
+ Chiết khấu thương mại	4		15,375,533,560	48,216,543,579	8,452,473,901	52,556,289,273
+ Giảm giá hàng bán	5		8,585,449,590	26,952,971,510	0	0
+ Hàng bán bị trả lại	6		1,140,747,518	1,788,568,818	119,982,600	840,873,600
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	7		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		1,079,006,830,542	3,763,215,150,869	1,009,734,597,820	3,416,091,904,627
4. Giá vốn hàng bán	11	21	1,008,121,205,856	3,514,316,931,982	959,974,872,876	3,188,310,643,216
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		70,885,624,686	248,898,218,887	49,759,724,944	227,781,261,411
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	601,886,773	1,731,516,419	1,248,180,854	4,161,922,700
7. Chi phí tài chính	22	24	27,512,199,060	107,301,235,905	36,489,213,638	163,996,213,425
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27,331,101,808	103,216,277,625	36,313,311,451	163,212,576,687
8. Chi phí bán hàng	24		24,296,954,568	67,254,942,286	11,631,432,271	40,515,565,893
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,315,676,096	56,760,173,601	19,810,382,118	61,700,180,627
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,362,681,735	19,313,383,514	-16,923,122,229	-34,268,775,834
11. Thu nhập khác	31		1,296,171,795	4,954,836,709	-417,999,754	7,699,559,141
12. Chi phí khác	32		98,808,781	1,891,692,359	84,125,000	1,133,781,847
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,197,363,014	3,063,144,350	-502,124,754	6,565,777,294
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		6,560,044,749	22,376,527,864	-17,425,246,983	-27,702,998,540
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25		0		0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		25			42,461,953	84,923,908
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		6,560,044,749	22,376,527,864	-17,467,708,936	-27,787,922,448
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần)	70	26	133	455	-355	-565

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hung Yên, ngày 16 tháng 1 năm 2015
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THỊ TUYẾT DUNG



NGUYỄN HOÀNG NGÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chanh Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

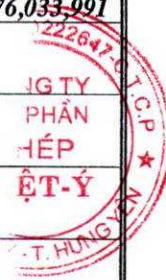
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2014	NĂM 2013
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22,376,527,864	-27,702,998,540
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	99,451,391,643	122,146,608,150
- Các khoản dự phòng	03	691,401,933	4,775,803,449
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	127,613,896	(211,889,610)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,201,943,988)	(5,015,584,055)
- Chi phí lãi vay	06	103,216,277,625	163,212,576,687
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	224,661,268,973	257,204,516,081
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(84,617,250,427)	94,357,891,172
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	51,641,969,537	(157,332,773,437)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(22,215,046,988)	2,921,202,565
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	8,916,403,872	20,072,852,368
- Tiền lãi vay đã trả	13	(105,627,502,671)	(163,677,972,794)
- Thuế TNDN đã nộp	14		(1,894,665,826)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,253,680,228	7,258,703,173
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,367,986,000)	(8,181,978,252)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	72,645,536,524	50,727,775,050
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(252,810,136)	(1,248,048,565)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2014	NĂM 2013
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1,863,862,700	3,965,600,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	617,490,000	38,896,559,856
7. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,155,346,210	4,161,922,700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4,383,888,774	45,776,033,991
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3,713,644,747,179	3,521,345,459,698
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4,009,281,159,241)	(3,728,344,894,831)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(295,636,412,062)	(206,999,435,133)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(218,606,986,764)	(110,495,626,092)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	347,230,272,289	457,723,935,305
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1,042,671	1,963,076
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	128,624,328,196	347,230,272,289



Hưng Yên, ngày 16 tháng 1 năm 2015
 THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

LẬP BIỂU

Đặng Thị Tuyết Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Ngân



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Chanh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1748/QĐ-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Thép Việt-Ý thuộc Công ty Sông Đà 12 - Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900222647 thay đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 5 năm 2012 và lần thứ 14 ngày 12 tháng 2 năm 2014 (nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, mã số doanh nghiệp 0203004401 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008) với số vốn điều lệ là 492.202.620.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tây Bắc - Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Hải Phòng.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 935 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 975 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Việt Ý theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy sản xuất sắt, thép gang;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường sắt;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép có thương hiệu thép Việt Ý (VIS); sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép; kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và tiêu thụ các loại thép cuộn từ $\phi 6$ - $\phi 8$ và thép thanh từ D10 đến D40.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2014</u>
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	5 - 11
Thiết bị văn phòng	4 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8
Cây lâu năm	20

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình của Công ty Cổ phần thép Việt Ý thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà này là chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng thể hiện giá trị đền bù giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng nhà máy được ghi nhận như quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng còn lại theo hợp đồng thuê đất là 29 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

- Khoản trả trước tiền thuê văn phòng, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà tại ngày sáp nhập. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian là 10 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	906.581.174	2.309.556.159
Tiền gửi ngân hàng	30.037.747.022	84.920.716.130
Các khoản tương đương tiền (*)	97.680.000.000	260.000.000.000
Cộng	<u>128.624.328.196</u>	<u>347.230.272.289</u>

(*): Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	130.507.032.894	65.421.831.095
Phải thu các đối tượng khác	237.531.214.564	233.435.185.446
Trong đó		
<i>Cty CP thương mại Thái Hưng</i>	<i>74.488.640.529</i>	<i>79.767.953.658</i>
<i>Cty CP sản xuất DV&TM Phát Linh</i>	<i>15.501.960.218</i>	<i>40.336.528.098</i>
<i>Cty CP Nhật Nam</i>	<i>20.361.225.462</i>	<i>351.021.881</i>
<i>Cty CP thép Đất Việt</i>	<i>94.343.932.163</i>	<i>42.193.206.662</i>
<i>Cty CP thương mại Hiệp Hương</i>		<i>31.266.461.050</i>
<i>Cty CP cơ khí Vĩnh Phúc</i>		<i>31.266.461.050</i>
<i>Cty CP thép Hòa Phát</i>		<i>31.266.461.050</i>
<i>Cty CP thép&VT Công Nghiệp Simco</i>	<i>1.386.010.067</i>	<i>165.275.557</i>
<i>Các công ty khác</i>	<i>31.449.446.125</i>	<i>40.097.180.240</i>
Cộng	<u>368.038.247.458</u>	<u>299.599.458.241</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu tiền thép phế giao thiếu (i)	22.418.538.173	29.910.807.340
Phải thu tiền cước Container	1.527.000.264	412.000.264
Phải thu khác	3.693.294.633	5.881.442.907
Cộng	<u>27.638.833.070</u>	<u>36.204.250.511</u>

(i) Phản ánh giá trị thép phế giao thiếu so với hóa đơn của các nhà cung cấp nước ngoài phát sinh tại Chi nhánh của Công ty tại Hải Phòng (đã thanh toán). Ban giám đốc tin tưởng rằng toàn bộ số phải thu này sẽ được hoàn trả bằng tiền và hàng trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	150.345.164.820	161.008.491.491
Nguyên liệu, vật liệu	507.753.326.292	434.890.083.202
Công cụ, dụng cụ	964.382.722	4.315.341.125
Thành phẩm	180.955.432.746	291.461.360.325
Chi phí kinh doanh dở dang	15.000.026	
Cộng	<u>840.033.306.606</u>	<u>891.675.276.143</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	<u>840.033.306.606</u>	<u>891.675.276.143</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	3.856.816.101	3.491.364.077
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	8.399.761	8.284.507
Cộng	<u>3.865.215.862</u>	<u>3.499.648.584</u>

(i) Khoản tiền 8.399.761, đồng là khoản tiền Công ty ký quỹ để mua ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ (*)						
Tại ngày 1/1/2014	514.487.362.739	799.117.918.391	1.192.415.296	68.512.612.895	928.210.158	1.384.238.519.479
Mua trong năm			127.831.409			127.831.409
Đầu tư xây dựng						
Giảm do thanh lý nhượng bán						
Tại ngày 31/12/2014	514.487.362.739	799.117.918.391	1.320.246.705	68.512.612.895	928.210.158	1.384.366.350.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 1/1/2014	150.011.357.944	420.656.150.872	870.498.449	36.210.756.765	123.649.795	607.872.413.825
Trích khấu hao	33.621.129.173	57.299.053.293	178.035.363	7.995.910.472	46.410.504	99.140.538.805
Giảm do thanh lý nhượng bán						
Tại ngày 31/12/2014	183.632.487.117	477.955.204.165	1.048.533.812	44.206.667.237	170.060.299	707.012.952.630
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	330.854.875.622	321.162.714.226	271.712.893	24.305.945.658	758.149.859	677.353.398.258
Tại ngày 31/12/2013	364.476.004.795	378.461.767.519	321.916.847	32.301.856.130	804.560.363	776.366.105.654

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là **292.144.424.069**, đồng, trong đó thiết bị dây truyền chính trị giá là 196.635.997.173, đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 255.245.611.003 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, máy móc thiết bị nhập khẩu thuộc dây chuyền cán thép và toàn bộ công trình xây dựng, máy móc, thiết bị thuộc trạm khí than của Công ty đã thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng với giá trị còn lại là 4.335.445.383 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 8.359.611.216 đồng).

Như trình bày tại thuyết minh số 16 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 giá trị còn lại của nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn ngân hàng là 587.648.236.912 đồng (31 tháng 12 năm 2013 là 666.828.745.091 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
 Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2014	28.019.135.751
Giảm trong kỳ	
Tại ngày 31/12/2014	28.019.135.751
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2014	2.357.079.181
Trích khấu hao	765.776.124
Tại ngày 31/12/2014	3.122.855.305
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	24.896.280.446
Tại ngày 31/12/2013	25.662.056.570

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm giá trị quyền sử dụng hai lô đất tại Hưng Yên và Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất thể hiện tiền thuê 10.000 m2 đất tại Khu Công nghiệp Phố Nối A trong thời gian 43 năm. Khu đất được sử dụng cho mục đích di dời xưởng luyện cán thép và dây chuyền sản xuất 2.

Quyền sử dụng đất của Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng thể hiện giá trị đền bù giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng nhà máy tại Hải Phòng được ghi nhận như quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng còn lại theo hợp đồng thuê đất là 29 năm.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2014 đến 31/12/2014 VND	Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
- Máy cắt thép phế	72.828.727	
- Công trình tuyến đường vào nhà máy (CN Hải Phòng)	10.591.428.201	12.455.290.901
- Công trình khu nhà ở cán bộ công nhân viên tại xã Thiên Hương (CN Hải Phòng)	9.259.918.427	9.259.918.427
- Sửa chữa lớn TSCĐ	182.786.615	130.636.615
	20.106.961.970	21.845.845.943

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí thuê văn phòng tại Toà nhà HH4 Mỹ Đình	35.706.282.500	36.496.827.500
Lợi thế thương mại (i)	106.046.763.665	120.344.409.494
Động cơ & giá cán	4.854.480.224	
Dụng cụ khác	5.160.266.311	6.003.096.012
	151.767.792.700	162.844.333.006

(i)Lợi thế thương mại phát sinh do nhận sáp nhập Công ty CP luyện thép Sông Đà vào Công ty. Khoản lợi thế thương mại phát sinh được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
 Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NH Đầu tư và PT Việt Nam – CN Bắc Hưng Yên	161.098.894.167	131.596.006.934
NH Đầu tư và PT Việt Nam – CN Hưng Yên	141.423.299.512	158.845.650.214
NH Ngoại thương Hải Dương – CN Hải Dương	520.015.304.168	714.506.930.704
NH Công thương Hưng Yên – CN Hưng Yên	447.456.394.420	463.168.739.746
NH Nông Nghiệp Hưng Yên – CN Hưng Yên	21.622.383.041	2.447.946.600
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>116.687.413.172</u>	<u>116.687.413.172</u>
	<u>1.408.303.688.480</u>	<u>1.587.252.687.370</u>

Các khoản vay ngắn hạn được thực hiện dưới hình thức vay theo hạn mức tín dụng. Các khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các ngân hàng.

Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương & Ngân hàng Nông Nghiệp Hưng Yên – CN Hưng Yên được thực hiện theo hình thức tín chấp.

Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị nhập khẩu thuộc dây chuyền nhà máy cán thép và toàn bộ công trình xây dựng, máy móc, thiết bị thuộc trạm khí hóa than của Công ty tại Khu công nghiệp Phố Nối A - xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 300054100-03/HĐTC/Vietinbank-VIS ký ngày 27 tháng 9 năm 2012 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên và Công ty, nguyên giá tài sản thế chấp là 224.909.995.046 VND, giá trị còn lại tại 31/12/2014 là 4.335.445.383 VND.

Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hưng Yên và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên được đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 453972 do Ủy ban nhân dân Hưng Yên cấp cho Công ty ngày 13 tháng 9 năm 2013, vào sổ cấp GCN số CT 01470.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng		25.019.509.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập cá nhân	309.460.179	388.477.324
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	<u>309.460.179</u>	<u>25.407.987.286</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Hải Dương	85.140.819.965	201.828.233.137
Cộng	<u>85.140.819.965</u>	<u>201.828.233.137</u>

(i) Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, nay là Chi nhánh của Công ty tại Hải Phòng. Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/VIS ngày 11/8/2007 để đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy Sản xuất Phôi thép ở Hải Phòng. Bên vay thế chấp toàn bộ Nhà máy Sản xuất Phôi thép của Dự án, bao gồm toàn bộ máy móc thiết bị, xe cộ, các công trình xây dựng và các bất động sản, động sản khác nằm trên hay liên quan đến Nhà máy Sản xuất Phôi thép của Dự án (hiện có hoặc sẽ hình thành trong tương lai), bao gồm cả quyền được nhận tiền bảo hiểm từ tài sản này. Theo biên bản sửa đổi lần 1 của Hợp đồng thế chấp số 03/VIS ngày 20/02/2009, giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2014 là 587.648.236.912 VND (31 tháng 12 năm 2013 là 666.828.745.091 VND).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	116.687.413.172	116.687.413.172
Trong năm thứ hai	85.140.819.965	116.082.752.122
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm		85.745.481.015
Cộng	<u>201.828.233.137</u>	<u>318.515.646.309</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	116.687.413.172	116.687.413.172
Số phải trả sau 12 tháng	<u>85.140.819.965</u>	<u>201.828.233.137</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ (*) VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Tại 31/12/2011	300.000.000.000	363.790.000	130.092.933.471	25.909.026.633	58.413.452.633
Trích lập các quỹ năm 2011			15.852.780.001	1.360.672.632	(57.213.452.633)
Lợi nhuận tăng trong kỳ (*)					(16.571.346.716)
Phát hành tăng vốn	192.202.620.000				
Tại 31/12/2012	<u>492.206.620.000</u>	<u>363.790.000</u>	<u>145.945.713.472</u>	<u>27.269.699.265</u>	<u>(15.371.346.716)</u>
Phân phối lợi nhuận 2012					
Lợi nhuận trong kỳ					(27.787.922.448)
Tại 31/12/2013	<u>492.206.620.000</u>	<u>363.790.000</u>	<u>145.945.713.472</u>	<u>27.269.699.265</u>	<u>(43.159.269.164)</u>

Phân phối lợi nhuận 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Lợi nhuận trong kỳ					22.376.527.864
Tại 31/12/2014	492.206.620.000	363.790.000	145.945.713.472	27.269.699.265	(20.782.741.300)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 15/GCN-UBCK ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận cho Công ty Cổ phần Thép Việt Ý (VIS) được đăng ký chào bán ra công chúng 19.220.577 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của các cổ đông khác ngoài VIS của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, tổng giá trị cổ phiếu chào bán tính theo mệnh giá là 192.205.770.000 VND. Ngày kết thúc chào bán cổ phiếu theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý là ngày 31 tháng 5 năm 2012. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán và hoán đổi thành công là 192.202.620.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900222647 thay đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 5 năm 2012 và lần thứ 14 ngày 12 tháng 2 năm 2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà, mã số doanh nghiệp 0203004401 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008), vốn điều lệ của Công ty là 492.202.620.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

b. Trích lập các quỹ và chia cổ tức

Do năm 2013 Công ty lỗ nên ngày 28 tháng 3 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã có Nghị quyết thông qua không trả cổ tức năm 2013.

c. Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Số lượng cổ phần đang lưu hành	49.220.262	49.220.262
<i>Cổ phần thường</i>	49.220.262	49.220.262
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

	Công ty 31/12/2014 VND	CN Hải Phòng 31/12/2014 VND	Loại trừ 31/12/2014 VND	Tổng cộng 31/12/2014 VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	2.398.140.529.425	1.121.350.961.745	(1.250.267.838.426)	2.269.223.652.744
Tổng tài sản				2.269.223.652.744
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.560.681.806.605	1.304.975.034.411	(1.250.267.838.426)	1.615.389.002.590
Tổng nợ phải trả				1.615.389.002.590
Doanh thu				
Doanh thu thuần	5.542.154.559.497	2.837.961.946.726	(4.616.901.355.354)	3.763.215.150.869
Giá vốn	(5.344.525.498.729)	(2.789.582.299.401)	3.514.316.931.982	(3.514.316.931.982)

Kết quả HĐKD

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Kết quả HĐKD bộ phận	197.629.060.768	48.379.647.325	2.889.510.794	248.898.218.887
Doanh thu hoạt động tài chính	1.608.561.022	122.955.397		1.731.516.419
Chi phí tài chính	(19.598.475.744)	(87.702.760.161)		(107.301.235.905)
Chi phí không phân bổ	(112.425.434.398)	(11.589.681.489)		(124.015.115.887)
Lợi nhuận khác	(203.049.964)	3.266.194.314		3.063.144.350
Lãi trước thuế	67.010.661.684	(47.523.644.614)	2.889.510.794	22.376.527.864
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				
Lãi sau thuế	67.010.661.684	(47.523.644.614)	2.889.510.794	22.376.527.864

19. DOANH THU

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	3.804.687.617.055	3.469.489.067.500
Doanh thu hoạt động gia công	35.485.617.721	
Cộng	3.840.173.234.776	3.469.489.067.500
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	48.216.543.579	52.556.289.273
Giảm giá hàng bán	26.952.971.510	
Hàng bán bị trả lại	1.788.568.818	840.873.600
Cộng	76.958.083.907	53.397.162.873

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	3.480.191.356.145	3.188.310.643.216
Giá vốn của hoạt động gia công	34.125.575.837	
Cộng	3.514.316.931.982	3.188.310.643.216

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.966.834.675.556	2.770.057.063.766
Chi phí nhân công	91.890.827.181	83.802.848.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.455.951.583	122.146.608.150
Chi phí dự phòng	691.401.933	1.088.072.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.840.932.549	267.006.292.692
Chi phí khác	27.148.908.739	33.066.707.922
Cộng	<u>3.498.862.697.541</u>	<u>3.277.167.593.832</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.584.453.988	3.669.713.849
Lãi quá hạn công nợ phải thu		114.166.667
Lãi chênh lệch tỷ giá	145.795.910	378.042.184
Doanh thu tài chính khác	1.266.521	
Cộng	<u>1.731.516.419</u>	<u>4.161.922.700</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	103.216.277.625	163.212.576.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.474.405.945	65.716.767
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	127.613.896	646.782.519
Chi phí dự phòng		
Chi phí tài chính khác	482.938.439	71.137.452
Cộng	<u>107.301.235.905</u>	<u>163.996.213.425</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	22.376.527.864	(27.702.998.540)
Chuyển lỗ	(24.205.046.357)	
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.828.518.493	1.292.607.308
Thu nhập chịu thuế	<u>1.828.518.493</u>	<u>(26.410.391.232)</u>
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập hoãn lại		84.923.910

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.376.527.864	(27.787.922.448)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	49.220.262	49.220.262
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	<u>455</u>	<u>(565)</u>

26. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đang tiến hành các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh với đối tác bán hàng của Công ty do đối tác bán hàng đã vi phạm các điều khoản giao hàng theo hợp đồng đã được hai bên ký kết. Theo kết luận bản án sơ thẩm của Tòa án, Công ty có thể thu được từ đối tác này số tiền khoảng 28 tỷ VND. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng còn tùy thuộc vào quyết định pháp lý cuối cùng của các cơ quan hữu quan và khả năng trả nợ của đối tác. Công ty đã lập dự phòng 100% khoản phải thu này. Báo cáo này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến tài sản tiềm tàng nêu trên.

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2014	Năm 2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ	790.545.000	790.545.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tại tầng 8 và tầng 9 Tòa nhà HH4 Mỹ Đình theo Hợp đồng số 28/2010/HĐTN/TCT-VIS ngày 18 tháng 01 năm 2010 giữa Tập đoàn Sông Đà và Công ty. Thời gian thuê là 50 năm trừ đi thời gian xây dựng Tòa nhà. Tổng giá tiền thuê là 38.886.400.000 đồng. Đến thời điểm này, Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho Tổng công ty Sông Đà.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	1.493.444.508.445	1.789.080.920.507
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	128.624.328.196	347.230.272.289
Nợ thuần	1.364.820.180.249	1.441.850.648.218
Vốn chủ sở hữu	<u>653.834.650.154</u>	<u>631.458.122.290</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>2.09</u>	<u>2.3</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	128.624.328.196	347.230.272.289
Phải thu khách hàng và phải thu khác	361.870.344.126	302.688.374.283
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư dài hạn		1.000.000.000
Tài sản tài chính khác	8.399.761	8.284.507
Tổng cộng	490.503.072.083	650.926.931.079
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.493.444.508.445	1.789.080.920.507
Phải trả người bán và phải trả khác	91.181.462.777	89.220.356.645
Chi phí phải trả	16.017.083.373	16.032.132.752
Tổng cộng	1.600.643.054.595	1.894.333.409.904

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	34.138.290.277	49.138.891.960	23.770.293.015	31.292.228.991
Euro (EUR)	32.922.120		10.707.688	12.082.915

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp. Số gốc vay theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được phản ánh qua bảng sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Gốc vay theo lãi suất thả nổi	201.828.233.137	1.789.080.920.507
	<u>201.828.233.137</u>	<u>1.789.080.920.507</u>

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt quý, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 sẽ tăng/giảm khoảng 4,04 tỷ đồng (2013: tăng/giảm khoảng 35,7 tỷ đồng).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2014		
VND	200	(4.036.564.663)
VND	-200	4.036.564.663
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2013		
VND	200	35.781.618.410
VND	-200	(35.781.618.410)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Hiện tại, Công ty không có biện pháp phòng ngừa rủi ro, phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	128.624.328.196		128.624.328.196
Phải thu khách hàng và phải thu khác	361.870.344.126		361.870.344.126
Đầu tư ngắn hạn			
Đầu tư dài hạn			
Tài sản tài chính khác	8.399.761		8.399.761
Tổng cộng	490.503.072.083		490.503.072.083
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	91.181.462.777	-	91.181.462.777
Chi phí phải trả	16.017.083.373	-	16.017.083.373
Các khoản vay	1.408.303.688.480	85.140.819.965	1.493.444.508.445
Tổng cộng	1.515.502.234.630	85.140.819.965	1.600.643.054.595
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.024.999.162.547)	(85.140.819.965)	(1.110.139.982.512)
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	347.230.272.289		347.230.272.289
Phải thu khách hàng và phải thu khác	302.688.374.283		302.688.374.283
Đầu tư ngắn hạn			
Đầu tư dài hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
Tài sản tài chính khác	8.284.507		8.284.507
Tổng cộng	649.926.931.079	1.000.000.000	650.926.931.079

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	89.220.356.645	-	89.220.356.645
Chi phí phải trả	16.032.132.752	-	16.032.132.752
Các khoản vay	1.587.252.687.370	201.828.233.137	1.789.080.920.507
Tổng cộng	1.692.505.176.767	201.828.233.137	1.894.333.409.904
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.042.578.245.688)	(200.828.233.137)	(1.243.406.478.825)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể huy động các khoản vay từ các hợp đồng hạn mức tín dụng ký kết với ngân hàng và bán hàng hóa tồn kho để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu		
Công ty Sông Đà 5	61.061.963.560	47.120.367.400
Xí nghiệp Sông Đà 10.6	22.072.535.170	36.660.000.310
Công ty Sông Đà 7	95.951.463.290	29.693.012.180
Cty CP Sông Đà 505	2.754.477.310	414.603.200
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Cty CP Sông Đà 6	11.087.081.000	1.591.056.050
Cty CP Sông Đà 604	17.112.276.698	1.059.562.400
XN Sông Đà 6.01	19.272.017.300	15.010.196.170
Xí nghiệp Sông Đà 10.5	4.206.370.040	
CN Cty Sông Đà 908 – Cty CP Sông Đà 9	3.764.709.250	9.050.709.300
CN Cty CP Sông Đà 409	4.638.950.950	3.090.442.650
CN Cty CP Sông Đà 406	14.198.702.900	3.092.445.000
CN Cty CP Sông Đà 407	2.336.786.700	
XN Sông Đà 10.3 – Cty CP Sông Đà 10	29.014.027.540	19.377.651.40
Cty CP ĐT&TM Sông Đà	424.573.200	3.893.760.100
XN Sông Đà 602	11.107.947.930	15.388.510.150
Cty CP Sông Đà 1		2.928.300.000
CN Cty Sông Đà 903 – Cty CP Sông Đà 9	6.303.764.450	928.129.250
CN Cty CP Sông Đà 905	19.093.600	1.475.787.750
CN Cty Sông Đà 11.9 – Cty CP Sông Đà 11		527.154.300
CN Tây Nguyên – Cty CP Sông Đà 10.1	8.673.063.050	720.131.400
Cty CP Sông Đà 3	20.253.864.150	
Các bên liên quan khác	1.005.605.220	1.289.227.550
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Cty CP XL&dịch vụ Sông Đà	624.650.659	616.768.436
Các bên liên quan khác	116.744.230	5.909.091

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chính sách giá với các bên liên quan: Phương pháp giá không bị kiểm soát, có thể so sánh được.

Các khoản phải thu	31/12/2014	31/12/2013
Công ty Sông Đà 7	46.337.621.719	15.160.558.913
Công ty Sông Đà 5	23.919.651.047	12.039.771.199
Công ty Sông Đà 3	10.217.874.995	
CN Công ty Sông Đà 4	16.916.370	
Xí nghiệp Sông Đà 6.03 - Cty CP Sông Đà 6	7.099.545.331	4.160.878.474
CN Cty Sông Đà 9.08	1.299.363.615	3.329.240.080
Công ty cổ phần Sông Đà 505	319.361.671	319.372.428
CN Sông Đà 903 - Cty CP Sông Đà 9	703.548.338	558.620.250
Xí nghiệp Sông Đà 601	5.773.368.206	4.226.500.707
Cty CP ĐT& Thương mại Sông Đà		167.030.520
CN Sông Đà 604 - Cty CP Sông Đà 6	6.095.419.485	
Xí nghiệp Sông Đà 6.05 - Cty CP Sông Đà 6		15.160.558.913
Xí nghiệp Sông Đà 10.3	9.068.201.812	7.251.316.724
Xí nghiệp Sông Đà 10.5	1.663.210.780	
Xí nghiệp Sông Đà 10.6	7.413.432.944	9.023.872.341
Xí nghiệp Sông Đà 10.7	919.057.835	919.057.835
CN Cty CP Sông Đà 406	4.034.107.445	2.092.445.000
CN Cty CP Sông Đà 409		1.498.201.894
XN Sông Đà 602	1.126.131.649	3.375.676.625
CN Tây Nguyên - Cty CP Sông Đà 10.1	4.241.757.339	720.131.400
Các bên liên quan khác	258.462.313	579.156.705
Các khoản phải trả		
BĐH Thủy điện XEKAMAN 3	260.423.152	260.423.152
Các bên liên quan khác	3.776.398	3.776.398

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.187.256.368	1.762.600.352

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán, kết quả kinh doanh và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

31. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD QUÍ IV/2014

Trong quý IV/2014 lợi nhuận của Công ty đạt 6.560.044.749 đồng. So với quý IV/2013 kết quả kinh doanh lỗ 17.467.708.936, đồng thì có thể khẳng định rằng đây là một kết quả rất khả quan về bức tranh lợi nhuận của Công ty. Kết quả này ảnh hưởng bởi một số nguyên nhân sau:

Hàng năm quý 4 thường gọi là mùa xây dựng nên nhu cầu thép xây dựng thường tăng cao. Trong Quý IV/2014 do ảnh hưởng của nhiều dấu hiệu tích cực của thị trường vĩ mô cộng thêm giá thép ngay từ cuối

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Quý 3 đã có xu hướng giảm, do vậy nhu cầu sử dụng thép trên thị trường có dấu hiệu sôi động trở lại, kết quả sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Công ty đều tăng rất mạnh.

Chi phí tài chính của Công ty tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm trước do lãi suất vay của các ngân hàng thương mại tiếp tục giảm.

Một số TSCĐ của công ty đến thời gian hết khấu hao. Các chi phí sản xuất khác của công ty đều có xu hướng giảm làm giảm giá thành sản phẩm của Công ty.


Các nguyên nhân trên đã góp phần tạo nên lợi nhuận đã đạt được của Công ty

Bước sang năm 2015 thị do ảnh hưởng từ thép hợp kim giá rẻ từ Trung Quốc, thép từ thị trường Nga do ảnh hưởng của hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh thuế quan (VCUFTA) và một số dự án nhà máy sản xuất thép hoàn thành đi vào hoạt động thì thị trường thép trong nước được dự báo là sẽ tiếp tục có rất nhiều khó khăn. Công ty cổ phần Thép Việt - Ý sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, cải tiến qui trình công nghệ, giảm giá thành nhằm đạt mục tiêu hoàn thành kế hoạch SXKD mang lại hiệu quả cao nhất cho các cổ đông.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Đặng Thị Tuyết Dung






TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khánh Hà